**BẢNG 2: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ GIỮA HK I MÔN TOÁN-LỚP 8**

**(CHỈ CÓ BẢNG NÀY MỚI PHẢI ĐƯA VÀO TRONG GIÁO ÁN)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung / Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:**  **Biểu thức đại số** | **Nội dung 1:**  ***Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến, bậc của đơn thức, đa thức. (Câu 1, câu 2). | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu:**  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia đa thức.  (Câu 5, câu 6, câu 8).  –Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. (Câu 7). |  |  | **4**  (1,0) |  |  |  |  |  | **10%** |
| **Vận dụng:**  – Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức. (Câu 14a, 14b) |  |  |  |  |  | **2**  (1,5) |  |  | **15%** |
| **Nội dung 2: *Hằng đẳng thức  đáng nhớ*** | **Nhận biết:**  – Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức.  (Câu 3, câu 4) | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu:**  – Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. (Câu 13a, 13b) |  |  |  | **2**  (1,0) |  |  |  |  | 10% |
|  | **Chủ đề 2: Phân tích đa thức thành nhân tử** | **Nội dung :**  **Các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử** | **Vận dụng:**  **-** Vận dụng được các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử  (Câu 15a, 15b, 15c) |  |  |  |  |  | **3**  (1,5) |  |  | **15%** |
| **Vận dụng cao**  - Phối hợp được nhiều phương pháp để phân tích đa thức thành nhân tử (câu 17) |  |  |  |  |  |  |  | **1**  (1,0) | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 3: Tứ giác** | **Nội dung 1:** ***Tứ giác*** | **Nhận biết**  – Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi, tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360o.. (Câu 9, câu 11) | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Nội dung 2:** ***Tính chất và* *dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt***. | **Nhận biết**  – Nhận biết được đường trung bình của hình thang, dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân). (Câu 12)  – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành). Câu 10 | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Thông hiểu.**  – Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. (Câu 16a, 16b) |  |  |  | **2**  (2,0) |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** | | |  | 8 |  | 4 | 4 | 0 | 5 | 0 | 1 | 22 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

**BẢNG 3: MA TRẬN ĐÁNH GIÁ GIỮA HK I MÔN TOÁN-LỚP 8**

**(DÙNG ĐỂ CUNG CẤP TRƯỚC KHI KIỂM TRA CHO HS – NẾU CẦN)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(12)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1:**  **Biểu thức đại số** | **Nội dung 1**  ***Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến*** | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5 %** |
|  |  | **4**  (1,0) |  |  |  |  |  | **10%** |
|  |  |  |  |  | **2**  (1,5) |  |  | **15%** |
| **Nội dung 2**  ***Hằng đẳng thức  đáng nhớ*** | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5 %** |
|  |  |  | **2**  (1,0) |  |  |  |  | **10 %** |
| 2 | **Chủ đề 1:**  **Phân tích đa thức thành nhân tử** | **Nội dung :**  **Các phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử** |  |  |  |  |  | **3**  (1,5) |  |  | **15%** |
|  |  |  |  |  |  |  | **1**  (1,0) | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Tứ giác** | **Nội dung 1:**  ***Tứ giác*** | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5 %** |
| **Nội dung 2:**  ***Tính chất và* *dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt***. | **2**  (0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5 %** |
|  |  |  | **2**  (2,0) |  |  |  |  | **20 %** |
| **Tổng** | | | 8 |  | 4 | 4 | 0 | 5 | 0 | 1 | 22 |
| **Tỉ lệ %** | | | **20 %** | | **40 %** | | **30 %** | | **10 %** | | **100 %** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60 %** | | | | **40 %** | | | | **100 %** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS……………………** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 8**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**I. Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm)** *Em hãy chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau.*

**Câu 1:** Bậc của đơn thức  là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. 6** | **B. 2** | **C. 3** | **D. 5** |

**Câu 2:** Bậc của đa thức  là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. 2** | **B. 3** | **C. 5** | **D. 7** |

**Câu 3:** 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** |  |  |

**C.**  **D.** 

**Câu 4:** 

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** | **B.** |

**C.**  **D.** 

**Câu 5:** Kết quả của phép nhân 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**Câu 6:** Kết quả của phép nhân 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**Câu 7:** Vớivà thì giá trị của biểu thức 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. -1** | **B. 1** | **C.** | **D. 6** |

**Câu 8:** Cho đa thức Và 

**M + N =**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**Câu 9:** Cho tứ giác ABCD biết 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** | **B.** | **C.** | **D.** |

**Câu 10:** Tứ giác là hình bình hành nếu:

1. Có 2 đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường**.**
2. Có 2 đường chéo cắt nhau.
3. Có 2 cạnh bên bằng nhau.
4. Có 2 đường chéo vuông góc với nhau**.**

**Câu 11:** Tứ giác có bốn góc bằng nhau thì mỗi góc bằng?

**A**. 900 **B**. 1800 **C**. 600 **D**. 3600

**Câu 12**: Hình thang có độ dài hai đáy là 6cm và 14 cm. Vây độ dài đường trung bình của hình thang đó là?

**A**. 20 cm **B**. 3cm  **C**. 7 cm **D.** 10 cm

**II. Tự luận (7,0 điểm).**

**Câu 13 (1,0 điểm). Khai triển các hằng đẳng thức sau:**

1. 
2. 

**Câu 14 (1,5 điểm)**

**a**) Thu gọn đa thức 

**b**) Tính giá trị biểu thức:  tại  và 

**Câu 15 (1,5 điểm)** Phân tích các đa thức sau thành nhân tử

1. 3xy-6xy2 **b)**  **c)** 

**Câu 16 (2,0 điểm)** Cho hình bình hành ABCD trong đó có BC = 2AB. Gọi M là trung điểm của BC, N là trung điểm của AD.

**a)** Chứng minh rằng tứ giác MNDC là hình bình hành.

b) Kẻ DE vuông góc với AB tại E, DE cắt MN tại F. Chứng minh F là trung điểm của DE.

**Câu 17 (1,0 điểm)** Cho các số x, y, z thỏa mãn đồng thời:

 Tính giá trị của biểu thức:



**Hết**

**HDC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 8**

1. **Trắc nghiệm (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2.C** | **3.A** | **4.D** | **5.A** | **6.D** | **7.B** | **8.A** | **9.A** | **10.A** | **11.A** | **12.D** |

1. **Tự luận.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 13a**  **(0,5 điểm)** |  | **0,5** |
| **Câu 13b**  **(0,5 điểm)** |  | **0,25** |
|  | **0,25** |
| **Câu 14a**  **(0,75 điểm)** |  | **0,25** |
|  | **0,25** |
| Vậy A | **0,25** |
| **Câu 14b**  **(0,75 điểm)** | **Với**  thay vào biểu thức A ta được: | **0,25** |
|  | **0,25** |
| **Vậy** thì A= | **0,25** |
| **Câu 15a**  **(0,5 điểm)** |  | |
|  | **0,5** |
| **Câu 15b**  **(0,5 điểm)** |  | **0,5** |
| **Câu 15c**  **(0,5 điểm)** |  | **0,5** |
|  |  |  |
| **Câu 16a**  **(1,0 điểm)** | Ta có: BC//AD => MC//ND (1)  BC = AD => MC = ND (M, N lần lượt là trung điểm của BC và AD). (2) | **0,5** |
| Từ (1) và (2) => Tứ giác MNDC là hình bình hành. (2 cạnh đối song song và bằng nhau) | **0,5** |
| **Câu 16b**  **(1,0 điểm)** | Ta có MN//AB (do M, N lần lượt là trung điểm của BC và AD)  => NF//AE Mà N là trung điểm của AD nên NF là đường trung bình của tam giác ADE. | **0,5** |
| => F là trung điểm của DE. | **0,5** |
| **Câu 17**  **(1,0 điểm)** | Ta có: | **0,25** |
| Kết hợp với các điều kiện đã cho, ta có:  => Một trong các thừa số của tích  phải bằng 0 | **0,25** |
| Giả sử (x + y) = 0, kết hợp với điều kiện: x + y + z = 1 → z = 1  Kết hợp với điều kiện:  → x = y = 0 | **0,25** |
| Vậy trong 3 số x, y, z phải có 2 số bằng 0 và 1 số bằng 1.  Vậy S = 1 | **0,25** |

Chú ý: Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.